

Bản án số: 89/2025/HS-ST
Ngày: 27-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ và bà Vương Thị Hồng Thanh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Kim Vinh, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Cao Tấn Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025 tại Hội trường A, Tòa án nhân dân khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 63/2025/TLST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2025/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Lê Đăng Q (tên gọi khác B), sinh năm 1979, tại tỉnh Khánh Hòa; thường trú: thôn Q, xã N, thị xã N, tỉnh K (nay là phường N, tỉnh K); chỗ ở: số 7/4/9 khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh B (nay là phường B, Thành phố H); nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T, sinh năm 1952 và bà Bùi Thị N, sinh năm 1957; có vợ: Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1980; 03 chị, em ruột, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1985; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: bản án hình sự phúc thẩm số 84/2000/HS-PT ngày 29/5/2000, Tòa án nhân dân tỉnh K xử phạt 09 tháng tù về tội gây rối trật tự công cộng (đã chấp hành xong hình phạt), đóng án phí hình sự sơ thẩm, án phí hình sự phúc thẩm ngày 19/6/2002; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/01/2024. Có mặt.

2. Đinh Thị L, sinh năm 1967, tại Thành phố H; thường trú: số 80/5 đường số 4, khu phố 4, phường T, thành phố T, Thành phố H (nay là phường T, Thành phố H); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Công giáo; Q tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn P (đã chết) và bà Đinh Thị H, sinh năm 1937; có 06 chị, em ruột, lớn nhất sinh năm 1960, nhỏ nhất sinh năm 1974; tiền án: ngày 08/4/2021, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xử phạt 1.200.000.000 đồng về tội buôn bán hàng cấm, nộp án phí

ngày 06/5/2022, nộp phạt số tiền 58.000.000 đồng các ngày 15/9/2023, 04/10/2023, 11/12/2024; tiền sự: không; nhân thân: ngày 18/05/2005, Công an quận T, Thành phố H xử phạt 3.000.000 đồng về hành vi “Buôn bán hàng cấm”, bị cáo đã đóng; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/11/2024. Có mặt.

- *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Hồng Vĩ T, sinh năm 2001; thường trú: số 43 P, phường 14, Quận 5, Thành phố H (nay là phường C, Thành phố H). Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Vũ Phương T, sinh năm 1972; thường trú: số 88/2 khu phố 3A, phường Đ, Quận 12, Thành phố H (nay là phường Đ, Thành phố H). Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1987; thường trú: số 74A đường Y L, phường H, quận T, Thành phố H (nay là phường P, Thành phố H). Vắng mặt.

4. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1966; thường trú: ấp T 2, xã T, huyện G, tỉnh T (nay là phường G, tỉnh T). Vắng mặt.

5. Bà Lê Thị Bích N, sinh năm 1986; thường trú: số 259 ấp B, xã Bình T, huyện L, tỉnh Đ (nay là xã L, tỉnh Đ). Vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963; thường trú: xã T, huyện K, tỉnh H (nay là xã N, tỉnh Hải Phòng). Vắng mặt.

7. Ông Hoàng Văn M, sinh năm 1973; thường trú: thôn N, xã B, huyện V, tỉnh Q (nay là đặc khu V, tỉnh Q). Vắng mặt.

- *Người chứng kiến:* Nguyễn Tiến Q, sinh năm 2001. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đinh Thị L và bà Phạm Thị H là bạn bè quen biết nhau từ lâu. Cuối năm 2023, bà H nói với Đinh Thị L “Đang bị bệnh nặng, có 01 xe ô tô biển số 51D-443.34 chưa cho ai thuê, kêu L thuê và trả tiền để bà H có tiền mua thuốc uống”. Đinh Thị L đã thuê xe ô tô biển số 51D-443.34 của bà H với giá tiền thuê là 5.000.000 đồng/tháng, hình thức thanh toán bằng tiền mặt; L nói với bà H mục đích thuê xe là để chở hàng hóa ở chợ Đ, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Lê Đăng Q và Đinh Thị L quen biết nhau thông qua các mối quan hệ xã hội. Tháng 11/2023, Đinh Thị L thuê Lê Đăng Q vận chuyển hàng hóa và thuốc lá điều nhập lậu cho L, tiền công 300.000 đồng/chuyến. Để khi Cơ quan Công an phát hiện thì cũng không thể tịch thu xe, cũng không thể xác minh được, Đinh Thị L kêu Lê Đăng Q ký kết hợp đồng thuê xe ô tô và các giấy tờ có liên quan đến việc thuê xe với bà H. Ngày 19/11/2023, theo yêu cầu của Đinh Thị L, Lê Đăng Q đến nhà bà Phạm Thị H tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T L thuê xe ô tô tải biển số 51D-443.34.

Lê Đăng Q bắt đầu vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu cho L từ tháng 12/2023, với phương thức “khi L có người đặt thuốc lá điều nhập lậu, thì Q sẽ điều khiển xe ô tô tải biển số 51D-443.34 chở thuốc lá điều nhập lậu đi giao theo chỉ đạo của Đinh Thị L”. Q đã giao cho khách của L ở khu vực huyện L, tỉnh Đồng Nai 02 lần (mỗi lần không rõ bao nhiêu, giao cho ai và giao ngày nào), thuốc lá điều nhập lậu là L trực tiếp giao cho Q, L đã trả công cho Q là 600.000 đồng. Đến ngày 05/01/2024, khi có khách hàng (tên Tư chưa rõ nhân thân, lai lịch) đặt mua thuốc lá điều nhãn hiệu JET với số lượng 300 cây, tương đương với 3000 bao, giao về khu vực Ngã ba L, tỉnh Đồng Nai. Lúc này, Đinh Thị L bận việc nên không giao thuốc cho Q được nên L đã liên lạc với người đàn ông tên M từ số điện thoại 0385907844 đến số điện thoại 0337302186 của M để đặt số lượng thuốc lá trên với giá 177.000 đồng/cây để giao đến khu vực đường số 1, khu phố B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Sau đó, L điện thoại cho Q nói Q điều khiển phương tiện xe ô tô tải biển số 51D-443.34 từ phòng trọ của Q tại dãy trọ số 7/4/9, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh B đến địa chỉ trên để nhận hàng và đi giao cho khách hàng tại Ngã ba L, tỉnh Đồng Nai (L bán cho khách hàng với giá 184.000 đồng/cây). Đến khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày, Q điều khiển xe ô tô biển số 51D-443.34, hiệu THACO, số loại: TOWNER9 màu xanh đến nơi hẹn để nhận thuốc lá điều. Tại đây, M đi xe ô tô bán tải (không rõ biển số xe, màu sắc của xe) đến và chuyển 06 (sáu) bao tải bên trong chứa thuốc lá điều nhãn hiệu JET qua xe của Q, chuyển thuốc lá xong thì M rời đi. Khi Q vừa nhận hàng xong chuẩn bị đóng cửa thùng xe để vận chuyển đi giao thì bị lực lượng Công an phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương tuần tra phát hiện trong thùng xe ô tô biển số 51D-443.34 có 06 (sáu) bao tải bên trong chứa 3000 bao thuốc lá điều nhãn hiệu JET. Qua làm việc, Q thừa nhận 3000 bao thuốc lá điều nhãn hiệu JET là thuốc lá điều nhập lậu, Q chuẩn bị vận chuyển thuê cho người khác nên Công an phường A đã lập Biên bản niêm phong tang vật và lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lê Đăng Q. Ngày 01/11/2024, Đinh Thị L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra đầu thú.

* Vật chứng thu giữ: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO 5S, màu đỏ, đã qua sử dụng, số máy CPH1912, có gắn sim số 0898498369 và sim số 0374133549 thu của Q. 01 (một) xe ô tô biển số 51D-443.34, hiệu THACO, số loại: TOWNER9 màu xanh thu của Q. 3000 bao thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu JET thu của Q. 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy M53 5G, kiểu thiết bị SM-M536B/DSN, số seri RFCT60WLGRS, gắn sim 1 số 0394753592, sim 2 không rõ, có số IMEI (khe 1): 353041900600930, số IMEI (khe 2): 353041900600931 thu của bà H. 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, khe sim 1 gắn sim số 0896533052, khe sim 2 gắn sim số 0589661304, không có mặt khẩu thu của L; 01 điện thoại di động hiệu Realme C55, kiểu máy RMX3710, màu đen gắn sim 0965606165, mặt khẩu 505050 thu của L; 01 thùng giắt carton có chữ ESSE MENTHOL, bên trong có 05 cuộn băng keo chưa qua sử dụng (đường kính lõi rộng 11cm, bản rộng 05cm), 45 lõi băng keo đã qua sử dụng (đường kính lõi 09cm, bản rộng 05cm); 02 thùng giấy có chữ ESSE Lights

bên trong không chứa gì; 01 thùng giấy có chữ ESSE CHANGHE bên trong không chứa gì; 01 giỏ nhựa màu xanh đỏ vàng, 01 túi nhựa màu xanh thu của L.

* Tại Công văn số 14/CV-2024 HHTLVN ngày 12/01/2024 của Hiệp hội thuốc lá Việt Nam, xác định: Thuốc lá điều mang nhãn hiệu JET là thuốc lá điều nhập lậu.

* Căn cứ Kết luận giám định số 5688/KL-KTHS ngày 10/12/2024 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận: Trong mẫu vật ký hiệu là A (01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy M53 5G, có số IMEI 1: 353041900600930 thu của Phạm Thị H): Không tìm thấy tin nhắn SMS với số điện thoại “0385907844”. 133 nhật ký cuộc gọi với số điện thoại “0385907844”. Tài khoản đăng nhập Zalo có tên “H”. 268 tin nhắn qua ứng dụng Zalo giữa tài khoản tên “H với tài khoản “Đinh Thị L” (hiện thị số +84965606165). Kèm theo Kết luận giám định: Phụ lục gồm 22 trang khổ giấy A4.

* Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ban hành văn bản đề nghị nhà mạng Viettel cung cấp thông tin liên quan đến chủ thuê bao, thủ tục đăng ký số điện thoại, cung cấp danh sách cuộc gọi đi và đến đối với các số điện thoại 0385907844, 0378382730, 0333076709 (L thường sử dụng số điện thoại gồm 0385907844 và 0378382730, được Q lưu tên trong danh bạ điện thoại là “W3” và “Chị tin”; còn bà H thường sử dụng số điện thoại 0333076709, được Q lưu tên trong danh bạ điện thoại là “Chị H 2), kết quả như sau:

- Số điện thoại 0378382730 do bà Nguyễn Thị L; sinh ngày 20/10/1963, thường trú: xã T, huyện K, tỉnh H, số CMND: 140363802 ngày cấp: 01/1/2015, nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương, kích hoạt ngày 15/01/2023, hiện tại tình trạng vẫn còn đang hoạt động.

- Số điện thoại 0333076709 do ông Hoàng Văn M; sinh ngày 20/06/1973, thường trú: thôn N, xã B, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, số CMTND: 022073004478 ngày cấp: 25/04/2021, nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH, kích hoạt ngày 05/06/2022, hiện tại đã ngưng hoạt động.

- Số điện thoại 0385907844 L mua lại từ cửa hàng để sử dụng, không có đăng ký thuê bao chính chủ.

* Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An đã có văn bản gửi Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - Sacombank PGD Bình Chiểu, Thành phố Hồ Chí Minh để xác minh số tài khoản 060114460349; 060195857302 của Đinh Thị L và gửi Ngân hàng Agribank Chi nhánh Thành phố Thủ Đức - Phòng giao dịch Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh để xác minh số tài khoản 6100205291829 của Đinh Thị L, kết quả có nhiều thông tin chuyển khoản nhưng không xác định được cụ thể chuyển khoản nào liên quan đến vụ án.

Tại cáo trạng số 217/CT-VKS-DA ngày 05 tháng 6 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh) truy tố bị cáo Lê Đăng Q về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại khoản 2 Điều 191 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và truy tố bị cáo Đinh Thị L về tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định

tại khoản khoản 2 Điều 190 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân sát nhân dân khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 191, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Lê Đăng Quỳnh phạt tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù và áp dụng khoản e, 1 khoản 2 Điều 190 và điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Đinh Thị L hình phạt tù 05 năm 03 tháng đến 05 năm 06 tháng tù.

Xử lý vật chứng:

Đối với sim số 0898498369, Q không sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D trả lại cho Q.

Đối với 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO 5S, màu đỏ, đã qua sử dụng, số máy CPH1912 và sim số 0374133549 Q sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước điện thoại và tịch thu tiêu hủy sim số 0374133549.

Đối với 3.000 thuốc lá nhập lậu hiệu Jet cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với xe ô tô biển số 51D-443.34 là do ông Hồng Vĩ T, sinh năm 2001, thường trú: số 43 P, phường 14, Quận 5, Thành phố H đứng tên sở hữu. Ông T đã bán nhưng không làm thủ tục sang tên mà chỉ ký hợp đồng ủy quyền cho ông Nguyễn Vũ Phương T, sinh năm 1972, thường trú: số 88/2 khu phố 3A, phường Đ, Quận 12, Thành phố H. Ngày 06/10/2023, ông T1 bán và ký hợp đồng ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1987, thường trú: số 74A đường Ý L, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, tại Văn phòng Công chứng Nhà Rộng. Ngày 15/11/2023, ông T1 và ông Tr ký hợp đồng thanh lý hợp đồng ủy quyền và để ông Tr bán xe ô tô trên cho bà Phạm Thị H, sinh năm 1966, thường trú: ấp T, T, huyện G, tỉnh Tây Ninh tại Văn phòng Công chứng Nhà Rộng. Bà Phạm Thị H ký hợp đồng cho Lê Đăng Q thuê xe tải xe ô tô biển số 51D-443.34, thời hạn từ ngày 19/11/2023 đến ngày 19/11/2024. Bà H không biết việc thuê xe để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An đã trả cho bà H. Tháng 5/2024, bà H đã bán xe ô tô biển số 51D-443.34 cho 01 người đàn ông ở Long An (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 75.000.000 đồng.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy M53 5G, kiểu thiết bị SM-M536B/DSN, số seri RFCT60WLGRS, gắn sim 1 số 0394753592, sim 2 không rõ, có số IMEI (khe 1): 353041900600930, số IMEI (khe 2): 353041900600931 thu của bà H, không chứng minh được hành vi của bà H có liên quan đến vụ án nên trả điện thoại cho bà H.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh của Đinh Thị L, gắn sim số 0385907844 sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước điện thoại. Đối với sim số 0385907844, L vứt bỏ không thu hồi được và

sim số 0378382730 L không thừa nhận đã sử dụng, không thu hồi được nên không đề cập xử lý.

Đối với sim số 0896533052, sim số 0589661304, 01 điện thoại di động hiệu Realme C55, kiểu máy RMX3710, màu đen gắn sim 0965606165, mặt khẩu 505050 thu của Đinh Thị L, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 thùng giấy carton có chữ ESSE MENTHOL, bên trong có 05 cuộn băng keo chưa qua sử dụng (đường kính lõi rộng 11cm, bản rộng 05cm), 45 lõi băng keo đã qua sử dụng (đường kính lõi 09cm, bản rộng 05cm); 02 thùng giấy có chữ ESSE Lights bên trong không chứa gì; 01 thùng giấy có chữ ESSE CHANGHE bên trong không chứa gì; 01 giỏ nhựa màu xanh đỏ vàng, 01 túi nhựa màu xanh thu của L, liên quan đến hành vi phạm tội của L, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số điện thoại 0337302186 mà đối tượng M sử dụng để gọi cho Q xác định là do bà Lê Thị Bích N; sinh ngày 28/12/1986, thường trú: Số nhà 259 ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Qua làm việc với bà Ng khai: không đăng ký số điện thoại và không sử dụng số điện thoại trên, bà Ng cũng không quen biết Lê Đăng Q. Hiện tại, bà Ng đang sinh sống cùng gia đình tại số nhà 259 ấp Bình Hiệp B, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Đối với việc Lê Đăng Q khai nhận đã vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu cho L 02 lần trước đó tại đường số 1, khu phố Bình Đường 3, phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhưng Q và L không nhớ chính xác ngày và không biết số lượng thuốc lá đã vận chuyển nên không xử lý Lê Đăng Q về hành vi “Vận chuyển hàng cấm” trước đó. Lê Đăng Q chỉ biết vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu cho Đinh Thị L nên không đồng phạm với L về tội “Buôn bán hàng cấm” quy định tại Điều 190 Bộ luật Hình sự.

Đối với số tiền 600.000 đồng, Đinh Thị L trả công cho Lê Đăng Q 02 lần vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu trước ngày 05/01/2024 là tiền thu lợi bất chính cần buộc Lê Đăng Q giao nộp để tịch thu sung Ngân sách Nhà nước; không chứng minh được số tiền thu lợi bất chính của Đinh Thị L nên không đề cập xử lý.

Đối với đối tượng tên M và người đàn ông tên Tư mua bán thuốc lá của L, chưa rõ nhân thân, lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Đăng Q và Đinh Thị L không tranh luận, đối đáp gì. Tại phần nói lời sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức án cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại cơ quan điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có ý kiến gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo trong quá trình tố tụng, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Đinh Thị L có 01 tiền án về tội “Buôn bán hàng cấm” với tính chất rất nghiêm trọng, chưa được xóa án tích. Ngày 05/01/2024, Đinh Thị L tiếp tục thực hiện hành buôn bán 3000 bao thuốc lá hiệu JET để bán cho đối tượng tên Tư tại ngã ba L, tỉnh Đồng Nai. Hành vi của Đinh Thị L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm e, 1 khoản 2 Điều 190 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Lê Đăng Q có hành vi sử dụng xe ô tô tải biển số 51D-443.34 vận chuyển 3000 bao thuốc lá hiệu JET đến địa chỉ ngã ba L, tỉnh Đồng Nai theo yêu cầu của Đinh Thị L. L trả công cho Q 300.000 đồng tiền công vận chuyển. Hành vi của Lê Đăng Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 191 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Cáo trạng số 217/CT-VKS-DA ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh) và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo Lê Đăng Q thực hiện là rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước trong quản lý, tàng trữ, vận chuyển hàng cấm. Bị cáo Lê Đăng Q là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi vận chuyển hàng cấm là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Tội phạm do bị cáo Đinh Thị L thực hiện là rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước trong quản lý, sản xuất, kinh doanh hàng cấm. Bị cáo Đinh Thị L là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi buôn bán hàng cấm là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo đủ.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Mặc dù, trước ngày 05/01/2024, L buôn bán hàng cấm là thuốc lá hai lần nhưng không nhớ số lượng, không nhớ số tiền thu lợi bất chính. Tuy nhiên, bị cáo đã bị kết án về hành vi buôn bán hàng cấm, chưa được xóa án tích, lại tiếp tục thực hiện hành vi buôn

bán hàng cấm nên hành vi của bị cáo là phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo được xem xét khi quyết định hình phạt: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, Lê Đăng Q, Đinh Thị L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Đinh Thị L đầu thú; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

[8] Nhân thân: Bị cáo Đinh Thị L, Lê Đăng Q đã từng bị xét xử, bị cáo L xử phạt hành chính số tiền 3.000.000 đồng về hành vi “Buôn bán hàng cấm” nhưng không lấy đó làm bài học kinh nghiệm lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

[9] Về hình phạt chính: Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo đủ để răn đe, giáo dục và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[10] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử quyết định hình phạt tù đối với các bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 190 và khoản 4 Điều 191 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[11] Xử lý vật chứng:

Xét sim số 0898498369, Lê Đăng Q không sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D (nay là cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H) trả lại cho Q là phù hợp.

Xét 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO 5S, màu đỏ, đã qua sử dụng, số máy CPH1912 và sim số 0374133549, Lê Đăng Q sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước điện thoại và tịch thu tiêu hủy sim số 0374133549.

Xét 3.000 thuốc lá nhập lậu hiệu Jet, là hàng cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

Xét xe ô tô biển số 51D-443.34 là do ông Hồng Vĩ T đứng tên chủ sở hữu. Ông T đã bán nhưng không làm thủ tục sang tên mà chỉ ký hợp đồng ủy quyền cho ông Nguyễn Vũ Phương T. Ngày 06/10/2023, ông T1 bán và ký hợp đồng ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Tr tại Văn phòng Công chứng Nhà Rộng. Ngày 15/11/2023, ông T1 và ông Tr ký hợp đồng thanh lý hợp đồng ủy quyền và để ông Tr bán xe ô tô trên cho bà Phạm Thị H tại Văn phòng Công chứng Nhà Rộng. Bà Phạm Thị H ký hợp đồng cho Lê Đăng Q thuê xe ô tô biển số 51D-443.34, thời hạn từ ngày 19/11/2023 đến ngày 19/11/2024. Bà H không biết việc Q thuê xe để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an đã trả cho bà H. Tháng 5/2024, bà H đã bán xe ô tô biển số 51D-443.34 cho 01 người đàn ông ở Long An (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 75.000.000 đồng.

Xét 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy M53 5G, kiểu thiết bị SM-M536B/DSN, số seri RFCT60WLGRS, gắn sim 1 số 0394753592, sim 2 không rõ, có số IMEI (khe 1): 353041900600930, số IMEI (khe 2): 353041900600931 thu của bà H, không chứng minh được hành vi của bà H có liên quan đến vụ án nên đã trả điện thoại cho bà H là phù hợp.

Xét 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh của Đinh Thị L sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước điện thoại, tịch thu tiêu hủy sim số 0385907844.

Đối với sim số 0385907844 L sử dụng vào việc phạm tội, L vứt bỏ không thu hồi được và 0378382730 L không thừa nhận đã sử dụng, không thu hồi được nên không xem xét giải quyết.

Xét sim số 0896533052, sim số 0589661304, 01 điện thoại di động hiệu Realme C55, kiểu máy RMX3710, màu đen gắn sim 0965606165, mặt khẩu 505050 của Đinh Thị L, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Xét 01 thùng giấy carton có chữ ESSE MENTHOL, bên trong có 05 cuộn băng keo chưa qua sử dụng (đường kính lõi rộng 11cm, bản rộng 05cm), 45 lõi băng keo đã qua sử dụng (đường kính lõi 09cm, bản rộng 05cm); 02 thùng giấy có chữ ESSE Lights bên trong không chứa gì; 01 thùng giấy có chữ ESSE CHANGHE bên trong không chứa gì; 01 giỏ nhựa màu xanh đỏ vàng, 01 túi nhựa màu xanh thu của L, liên quan đến hành vi phạm tội của L, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[11] Xét sim số 0337302186 mà đối tượng M sử dụng để gọi cho Q; xác minh là do bà Lê Thị Bích N sinh ngày 28/12/1986, thường trú: số nhà 259 ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đ. Qua làm việc với bà Ng khai: không đăng ký số điện thoại và không sử dụng số điện thoại trên, bà Ng cũng không quen biết bị can Lê Đăng Q. Hiện tại, bà Ng đang sinh sống cùng gia đình tại số nhà 259 ấp Bình H, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Tòa án đã trả hồ sơ xác minh thu thập hồ sơ đăng ký sim 0337302186 tuy nhiên, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố H (cũ là thành phố D, tỉnh B) không thu thập được.

[12] Quá trình điều tra, Lê Đăng Q khai nhận đã vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu cho L 02 lần trước trước ngày 05/01/2024, tại đường số 1, khu phố B, phường D, Thành phố H (cũ là phường A, thành phố D, tỉnh B) nhưng Q và L không nhớ chính xác ngày và không biết số lượng thuốc lá đã vận chuyển nên không có căn cứ xử lý Lê Đăng Q về hành vi “Vận chuyển hàng cấm” trước ngày 05/01/2024. Lê Đăng Q chỉ vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu cho Đinh Thị L nên không đồng phạm với L về tội “Buôn bán hàng cấm” quy định tại Điều 190 Bộ luật Hình sự.

[13] Đối với số tiền 600.000 đồng, Đinh Thị L trả công cho Lê Đăng Q 02 lần vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu trước ngày 05/01/2024 là tiền thu lợi bất chính cần buộc Lê Đăng Q giao nộp để sung Ngân sách Nhà nước. Không chứng minh được số tiền thu lợi bất chính của Đinh Thị L nên không có cơ sở xử lý.

[14] Đối với đối tượng tên M và Tư mua bán thuốc lá với L (chưa rõ nhân thân, lai lịch) Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T (cũ là tỉnh B) tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

[15] Mức hình phạt đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[16] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Đăng Qphạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 191 và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Đăng Q **02 (hai) năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/01/2024.

2. Tuyên bố bị cáo Đinh Thị L phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

Áp dụng điểm e, l khoản 2 Điều 190 và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Đinh Thị L **05 (năm) năm 03 (ba) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/11/2024.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: áp dụng Điều 46; điểm a khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO 5S, màu đỏ, đã qua sử dụng, số máy CPH1912 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh.

Tịch thu tiêu hủy sim số 0374133549; 3.000 thuốc lá nhập lậu hiệu JET và 01 (một) thùng giấy carton có chữ ESSE MENTHOL, bên trong có 05 cuộn băng keo chưa qua sử dụng (đường kính lõi rộng 11cm, bản rộng 05cm), 45 lõi băng keo đã qua sử dụng (đường kính lõi 09cm, bản rộng 05cm); 02 thùng giấy có chữ ESSE Lights bên trong không chứa gì; 01 (một) thùng giấy có chữ ESSE CHANGHE bên trong không chứa gì; 01 (một) giỏ nhựa màu xanh đỏ vàng, 01 túi nhựa màu xanh.

Trả lại cho bị cáo Đinh Thị L sim số 0896533052, sim số 0589661304, 01 **điện** thoại di động hiệu Realme C55, kiểu máy RMX3710, màu đen gắn sim 0965606165, mật khẩu 505050.

Buộc bị cáo Lê Đăng Q nộp 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Đăng Q và Đinh Thị L, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND khu vực 16 – TP.HCM;
- Công an thành phố Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam CA thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS thành phố Hồ Chí Minh
- TAND thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở tư pháp thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng PV 27 CA thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng PC 81 CA thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hiền